

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới
và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và
Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số
121/TTr-SNN ngày 14 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông
thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

1. Đối với xã đạt xã nông thôn mới:

a) Là các xã có trong kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục I ban hành kèm theo
quyết định này).

b) Đạt các chỉ tiêu, tiêu chí về xã nông thôn mới theo Bộ Tiêu chí Quốc
gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục I quyết định 318/QĐ-
TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Đạt các chỉ tiêu, tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên
địa bàn tỉnh Bắc Giang (tại Phụ lục III ban hành kèm theo quyết định này).

2. Đối với xã đạt xã nông thôn mới nâng cao:

a) Là các xã có trong kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia
xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục II ban
hành kèm theo quyết định này).

b) Đạt các chỉ tiêu, tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ Tiêu
chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (tại Phụ lục II
quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Đạt các chỉ tiêu, tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (tại Phụ lục IV ban hành kèm theo quyết định này).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Đối với các sở, ngành

a) Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị ban hành hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo lĩnh vực phụ trách trong thời gian 15 ngày kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tổng hợp hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao theo quy định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao sau đạt chuẩn để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững. Trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quyết định này nếu có vấn đề phát sinh, Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các xã chủ động triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

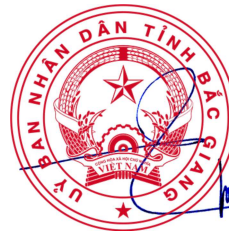
1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2, Điều 3;
- Ban chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, Công TTĐT tỉnh, TTTT, các phòng CV;
- + Lưu VT, NN Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC XÃ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2022-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	HUYỆN LỤC NAM	HUYỆN LỤC NGẠN	HUYỆN YÊN THẾ	HUYỆN SƠN ĐỘNG
1	Xã Lục Sơn	Xã Phi Điền	Xã Đồng Kỳ	Xã Tuấn Đạo
2	Xã Vô Tranh	Xã Tân Hoa	Xã Tam Hiệp	Xã Yên Định,
3	Xã Trường Giang	Xã Kiên Lao	Xã Tân Hiệp	Xã Đại Sơn
4	Xã Yên Sơn	Xã Tân Lập	Xã Tân Sỏi	Xã Vĩnh An
5	Xã Vũ Xá	Xã Hộ Đáp	Xã Đông Sơn	Xã Dương Hưu
6	Xã Trường Sơn	Xã Đèo Gia	Xã Tam Tiến	
7	Xã Bình Sơn			

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC XÃ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIẢI ĐOẠN 2022-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	HUYỆN TÂN YÊN	HUYỆN YÊN DŨNG	HUYỆN HIỆP HÒA	HUYỆN LẠNG GIANG	HUYỆN VIỆT YÊN	HUYỆN LỤC NGẠN	HUYỆN LỤC NAM	HUYỆN YÊN THẾ
1	Xã Phúc Hoà	Xã Tiến Dũng	Xã Thanh Vân	Xã Tân Hưng	Xã Tự Lạn	Thanh Hải	Xã Đông Hưng	Xã Hương Vỹ
2	Xã Phúc Sơn	Xã Cảnh Thụy	Xã Mai Trung	Xã Nghĩa Hòa	Xã Thượng Lan	Xã Giáp Sơn	Xã Cương Sơn	Xã Đồng Lạc
3	Xã Quế Nham	Xã Tư Mại	Xã Đông Lỗ	Xã Quang Thịnh	Xã Vân Trung	Xã Phụng Sơn	Xã Đan Hội	
4	Xã Ngọc Châu	Xã Đồng Việt	Xã Thường Thắng	Xã Đại Lâm	Xã Quang Châu	Xã Mỹ An	Xã Cẩm Lý	
5	Xã Lam Cốt	Xã Trí Yên	Xã Ngọc Sơn	Xã An Hà	Xã Nghĩa Trung	Xã Đồng Cốc		
6	Xã Ngọc Vân	Xã Tân Liễu	Xã Thái Sơn	Xã Thái Đào	Xã Tiên Sơn	Xã Tân Mộc		
7	Xã Liên Sơn	Xã Nội Hoàng	Xã Hoà Sơn	Xã Đào Mỹ				
8	Xã Ngọc Lý	Xã Lão Hộ	Xã Hoàng Vân	Xã Xương Lâm				
9	Xã Việt Ngọc	Xã Hương Gián	Xã Lương Phong					
10	Xã Ngọc Thiện	Xã Quỳnh Sơn						

PHỤ LỤC III
QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIẢI ĐOẠN 2022-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 7 /2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	2. Giao thông	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (≥30% bê tông hóa hoặc nhựa hóa; mặt đường rộng tối thiểu 3,5m)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (≥30% cứng hoá; mặt đường rộng tối thiểu 3,0m)
2	3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥80%
3	6. Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Diện tích đất quy hoạch Khu hội trường văn hóa đa năng (diện tích ≥500 m ² , quy mô ≥200 chỗ ngồi); Khu thể thao (diện tích ≥2.000m ²)
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt
4	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt
5	9. Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥75%
6	13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt
7	16. Văn hoá	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	≥70%
8	17. Môi trường và an toàn thực phẩm	17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² /người
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt
9	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt

PHỤ LỤC IV
QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIẢI ĐOẠN 2022-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
1	1. Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt
2	2. Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥ 50%
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	(≥40% cứng hoá; mặt đường rộng tối thiểu 3,0m)
3	3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiên, tiết kiệm nước	≥ 40%
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt
4	5. Giáo dục	5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥ 01 mô hình
5	6. Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥ 70% (trong đó ≥ 15% thôn và hộ gia đình được tặng giấy khen)
6	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt
7	8. Thông tin và Truyền thông	8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu, tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
8	9. Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥ 90%
9	12. Lao động	12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	≥ 73%
10	13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 01 sản phẩm
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥ 10%
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 01 mô hình
11	15. Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
12	17. Môi trường	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4m ² /người
13	18. Chất lượng môi trường sống	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%
14	19. Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt